

Biểu số 07a/BTP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2026
(Từ ngày 15/6/2026 đến ngày 14/9/2026)

- Đơn vị báo cáo:**
+ UBND cấp xã;
Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.
+ Cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.
- Đơn vị nhận báo cáo:**
+ UBND cấp tỉnh.
+ Bộ, cơ quan ngang bộ.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận						Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ				Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần	Qua dịch vụ bưu chính	Trực tiếp								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) +(6)+(7)+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11) +(12)	(10)	(11)	(12)	(13)= (14)+(15)	(14)	(15)
1	Điện lực	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
2	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	21	21	0	0	0	0	21	21	0	0	0	0	0
3	Người có công	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0	0	0	0
4	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	6	0	6	0	0	0	5	5	0	0	1	1	0
5	Chứng thực	3334	0	3290	0	40	4	3334	3334	0	0	0	0	0
6	Hộ tịch	988	732	246	0	0	10	982	982	0	0	6	6	0
7	Nuôi con nuôi	1	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
9	Hoạt động xây dựng	98	67	20	0	0	11	94	94	0	0	4	4	0
10	Hàng hải và đường thủy nội địa	1	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0
11	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
12	Bảo trợ xã hội	102	0	77	0	0	25	101	101	0	0	1	1	0

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận						Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ				Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần	Qua dịch vụ bưu chính	Trực tiếp								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)+(12)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)
13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	314	314	0	0	0	0	314	314	0	0	0	0	0
14	Đất đai	500	0	374	0	0	126	341	341	0	0	159	159	0
15	Hộ tịch	155	155	0	0	0	0	155	155	0	0	0	0	0
	Tổng	5531	1299	4015	0	40	177	5359	5359	0	0	172	172	0